

Bản án số: 76/2020/HS-ST
Ngày 11-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Mậu

Bà Đào Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thành-Thư ký TAND huyện Tiên Du

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 72/2020/TLST-HS ngày 29/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXXST-HS ngày 28/7/2020 đối với bị cáo:

Lê Văn L, sinh năm 1994; HKTT: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1974 và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Chưa có

Tiền án có 01: Ngày 12/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/9/2019.

Nhân thân: Ngày 31/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 7.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã nộp 1.000.000 đồng ngày 05/02/2016 và được Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên quyết định miễn chấp hành hình phạt đối với số tiền 6.000.000 đồng ngày 05/12/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2020 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh – Có mặt

*** Bị hại:**

- Anh Trần Đức B, sinh năm 1995 (vắng mặt)

HKTT: Thôn B, xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái

Chỗ ở hiện nay: Đang thuê trọ nhà ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1958 ở thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

****Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:***

- Anh Hoàng Văn S, sinh năm 2000 (vắng mặt)

HKTT: Thôn B, xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái

Chỗ ở hiện nay: Đang thuê trọ nhà ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1958 ở thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

- Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh

- Chị Lê Thị L1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Rạng sáng ngày 13/4/2020, Lê Văn L đi xe ôm từ khu vực bên xe thị xã T, tỉnh Bắc Ninh đến khu cầu Đ, xã H, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh quan sát gia đình nào để tải sản sơ hở thì trộm cắp. Sau đó L phát hiện khu nhà trọ của gia đình ông Nguyễn Hữu T ở thôn Đ, xã H, cửa cổng mở, bên trong sân thấp điện sáng, không có người. L lén lút đột nhập vào phòng trọ của anh Trần Đức B lấy 01 chiếc ví màu nâu của anh B và 01 chiếc ví màu đen của anh Hoàng Văn S. Kiểm tra bên trong chỉ có các giấy tờ tùy thân nên L quay lại phòng trọ lục tìm tài sản và lấy được 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A70, màu đen của anh B để ở giường ngủ. Sau đó, L đi xe ôm về khu vực xã P, thị xã T đến cửa hàng V của anh Nguyễn Văn V bán cho anh V chiếc điện thoại trên với giá 2.800.000 đồng và giữ lại simcard sử dụng.

Đến buổi tối cùng ngày, L đi xe ôm đến cửa hàng cầm đồ của chị Lê Thị L1 để lại 01 Chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Trần Đức B làm tin và vay của chị L số tiền 500.000 đồng. Buổi sáng ngày 14/4/2020, L nạp sim điện thoại của anh B vào chiếc điện thoại Nokia của mình thì thấy bạn của anh B gọi đến. L nói với anh B có người cầm giấy tờ của anh B ở chỗ L, anh B muốn cuộc điện thoại, giấy tờ thì mang số tiền 6.000.000 đồng đến khu vực nhà nghỉ S ở phường T, thị xã T. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, anh B mang theo số tiền 3.000.000 đồng đến khu vực nhà nghỉ S đưa cho L và nhận lại 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ rút tiền của Ngân hàng VietinBank đều mang tên Hoàng Văn S, 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, 01 đăng ký xe mô tô BKS: 21C1-154.33, 01 thẻ rút tiền của Ngân hàng BIDV đều mang tên Trần Đức B. L yêu cầu anh B đưa tiếp số tiền 3.000.000 đồng thì L trả giấy tờ và điện thoại. Ngày 15/4/2020, L hẹn anh B đến

cửa hàng thể giới di động 360 tại thôn Đ, xã H để giao tiền. Khi L bắt xe taxi đến nơi thì bạn của anh B và lực lượng Công an xã H đưa L về trụ sở để làm việc. Ngày 16/4/2020, anh B và chị L đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra toàn bộ giấy tờ của anh B và anh S như nêu trên để phục vụ công tác điều tra. L giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 chiếc ví da màu nâu của anh B, 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Lương Văn T1. Ngày 17/4/2020, anh Nguyễn Quang H là tài xế xe taxi chở L giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen lắp sim số Viettel, đây là chiếc điện thoại của L lắp sim của anh B, L bỏ trên xe ô tô của anh H.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 35/KL-ĐGTSTTHS ngày 16/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tiên Du, kết luận: *“01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A70, tài sản đã qua sử dụng. Có giá trị còn lại là: 5.000.000 đồng”*.

Với nội dung trên, Cáo trạng số 56/CT - VKS ngày 29/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo L khai nhận nội dung Cáo trạng truy tố là đúng. Khoảng đầu tháng 03/2020, bị cáo xuống địa bàn tỉnh Bắc Ninh để xin việc làm nhưng chưa xin được việc. Vì vậy bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản lấy tiền chi tiêu cá nhân. Rạng sáng ngày 13/4/2020 bị cáo đột nhập vào phòng trọ của anh B lấy được 02 ví da của anh B, anh S bên trong có giấy tờ tùy thân và 01 Samsung Galaxy A70 của anh B. Sau đó bị cáo bán chiếc điện thoại được 2.800.000 đồng. Đối với một số giấy tờ tùy thân của anh B bị cáo đến cửa hàng cầm đồ của chị L vay số tiền 500.000 đồng. Sau đó bị cáo hẹn anh B đến chuộc lại giấy tờ thì bị bắt giữ.

Bị hại là anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, lời khai có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 22/5/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại anh B toàn bộ giấy tờ bị cáo trộm cắp gồm 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2, 01 đăng ký xe mô tô BKS: 21C1-154.33, 01 thẻ rút tiền của Ngân hàng BIDV đều mang tên Trần Đức B, 01 sim điện thoại Viettel và 01 chiếc ví da màu nâu. Đối với chiếc điện thoại Samsung Galaxy A70 đến nay chưa thu hồi được, anh B yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh V trình bày: Khi anh V mua chiếc điện thoại Samsung Galaxy A70 bị cáo bán anh không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Đối với số tiền 200.000 đồng thu lời từ việc bán điện thoại anh V đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra, đến nay không yêu cầu gì với số tiền này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh S, chị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, lời khai có trong hồ sơ thể hiện: Anh S đã nhận lại toàn bộ giấy tờ bị cáo trộm cắp của anh. Còn chiếc ví da màu đen không thu hồi được

nhưng giá trị nhỏ nên anh S không yêu cầu bị cáo bồi thường. Đối với chị L1 khi cho bị cáo vay tiền và cầm giữ giấy tờ không biết là giấy tờ của người khác do bị cáo phạm tội mà có. Số tiền 500.000 đồng chị L1 cho bị cáo vay, chị L1 không yêu cầu bị cáo L1 phải hoàn trả lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo Cáo trạng số 56/CT- VKS ngày 29/6/2020. Trong phần luận tội đã phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2/ Hình phạt và điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 10 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2020.

3/ Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Đức B số tiền 5.000.000 đồng.

4/ Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo sau khi nghe luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du thừa nhận có tội và không tranh luận. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh V không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 5 giờ ngày 13/4/2020, tại khu trọ của gia đình ông Nguyễn Hữu T ở thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, bị cáo Lê Văn L đã lén lút đột nhập vào phòng trọ của anh Trần Đức B chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A70, màu đen có giá trị 5.000.000 đồng của anh Trần Đức B. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, căn cứ vào giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt nên Cáo trạng truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nơi xảy ra tội phạm. Do vậy cần áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo đã phạm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 12/4/2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/9/2019, tính đến ngày phạm tội mới chưa được xóa án tích nên xác định là tiền án. Ngoài ra ngày 31/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 7.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã nộp 1.000.000 đồng ngày 05/02/2016 và được Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên quyết định miễn chấp hành hình phạt đối với số tiền 6.000.000 đồng ngày 05/12/2016. Tính đến nay không coi là tiền án nhưng cần đánh giá về nhân thân bị cáo khi Hội đồng xét xử quyết định hình phạt.

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới khi chưa được xóa án tích, thực hiện với lỗi cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân các cấp xét xử nhưng không lấy làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân. Qua đây thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc điện Samsung Galaxy A70, màu đen sau khi mua của anh B đến nay không thu hồi được. Anh B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là yêu cầu hợp pháp của bị hại nên cần chấp nhận, buộc bị cáo bồi thường cho anh B số tiền 5.000.000 đồng. Đối với số tiền bị cáo cầm cố cho chị L để vay 500.000 đồng, đến nay chị L không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chiếc ví da màu đen của anh S, bị cáo đã vứt đi không nhớ vị trí cụ thể nên không thu hồi được. Quá trình điều tra do 02 chiếc ví đã cũ giá trị nhỏ nên anh B và anh S không đề định giá đối với tài sản này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại Samsung Galaxy A70, màu đen sau khi mua của bị cáo anh V sau đó đã bán cho khách hàng không quen biết với giá 3.000.000 đồng nên không thu hồi được. Ngày 15/4/2020, anh V tự nguyện giao nộp số tiền 200.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tiền thu lời từ việc bán chiếc điện thoại do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với chị Lê Thị L1 cho bị cáo L vay tiền và anh Nguyễn Văn V là người mua lại 01 chiếc điện thoại do bị cáo L trộm cắp. Tuy nhiên khi giao dịch, chị L1 và anh V không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi của bị cáo yêu cầu anh B đưa số tiền 3.000.000 đồng để chuộc lại giấy tờ, xét thấy hành vi của anh B và bị cáo L thực hiện tại địa phận thị xã T, tỉnh Bắc Ninh nên Cơ quan điều tra đã có Công văn trao đổi với Cơ quan điều tra Công an thị xã T để xử lý theo thẩm quyền.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo L còn khai nhận ngày 05/4/2020 đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc ví da bên trong có số tiền 4.200.000 đồng và giấy tờ tùy thân mang tên Lương Văn T1 tại khu vực nhà trọ của anh T1 ở khu T, phường Đ, thị xã T. Cơ quan điều tra đã làm việc với anh T1 xác nhận anh đã bị trộm cắp tài sản như nêu trên. Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Du đã có Công văn trao đổi và bàn giao vật chứng là 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Lương Văn T1 và 01 chiếc điện thoại Nokia của bị cáo cho Cơ quan điều tra Công an thị xã Từ Sơn để giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra sức khỏe của L phát hiện cơ thể dương tính với chất ma túy tổng hợp, tuy nhiên bị cáo không nhớ rõ thời gian, địa điểm nơi sử dụng trái phép chất ma túy nên không xác định được thẩm quyền xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”
2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 329, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 7, 9 Luật thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung 2014); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2020

Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Văn L phải bồi thường cho anh Trần Đức B số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước V Nam (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/6/2020)

5. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án.

Nơi nhận;

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND huyện Tiên Du;
- Công an huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- Những NTGTT;
- Lưu HS, VP;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tuấn